

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng tròn 20 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,680.36 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Xây dựng & vật liệu,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. VN-Index đã về vùng kháng cự cũ 1,680 – 1,700. Trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ tiếp tục nhịp hồi phục về 1,700, tuy nhiên do đã vào vùng kháng cự và sự ủng hộ của dòng tiền chưa đáng kể nên nhịp hồi phục khả năng cao sẽ đi kèm rung lắc. Nhà đầu tư nên quan sát thị trường cẩn trọng trong giai đoạn này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+20.00** điểm, đóng cửa tại **1680.36** điểm. HNX-Index **+4.61** điểm, đóng cửa tại **261.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+2.43)**, **VIC (+1.73)**, **VPB (+1.45)**, **GEE (+1.10)**, **CTG (+0.91)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-1.41)**, **VHM (-0.46)**, **FPT (-0.26)**, **VCB (-0.18)**, **NAB (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,068** tỷ đồng, giảm **-8.68%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,936 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.18 điểm. Thị trường có **243** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **79** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **627.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SHB (182.53 tỷ)**, **VPB (172.15 tỷ)**, **VIX (101.36 tỷ)**, **MSN (80.31 tỷ)**, **E1VFN30 (67.64 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-28.03** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.54%**. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+3.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+3.50%)
VCI (+3.30%)
- BSC50 **+1.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
EIB (+5.46%) [\(Link báo cáo\)](#)
VGC (+5.17%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.54%	1.76%	1.20%	0.73%
1 tuần	-1.97%	-2.92%	1.90%	1.98%
1 tháng	1.07%	-1.35%	1.68%	1.20%
3 tháng	-5.50%	-7.35%	-0.03%	3.35%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,680.36	261.91	119.22
% 1D	1.20%	1.79%	0.25%
GTKL (tỷ VND)	20,068	1,197	367
%1D	-8.68%	-23.81%	-42.74%
GDNN (tỷ VND)	627.47	-28.03	-16.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	182.53	VCB	-201.14
VPB	172.15	VIC	-196.33
VIX	101.36	VJC	-63.58
MSN	80.31	VND	-43.38
E1VFN30	67.64	HPG	-36.10

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,766	0.91%	2.24%
FTSE100	9,619	0.10%	1.18%
Eurostoxx	5,592	0.54%	0.19%
Shanghai	3,864	-0.15%	-2.09%
Nikkei	49,559	1.85%	1.80%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

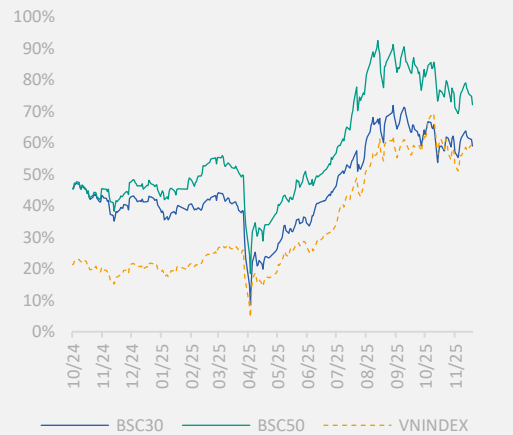
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.44	0.87%
Giá vàng	4,164	-0.11%

Tỷ giá		
USD/VND	26,403	
EUR/VND	31,288	0.33%
JPY/VND	173	0.58%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	5.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

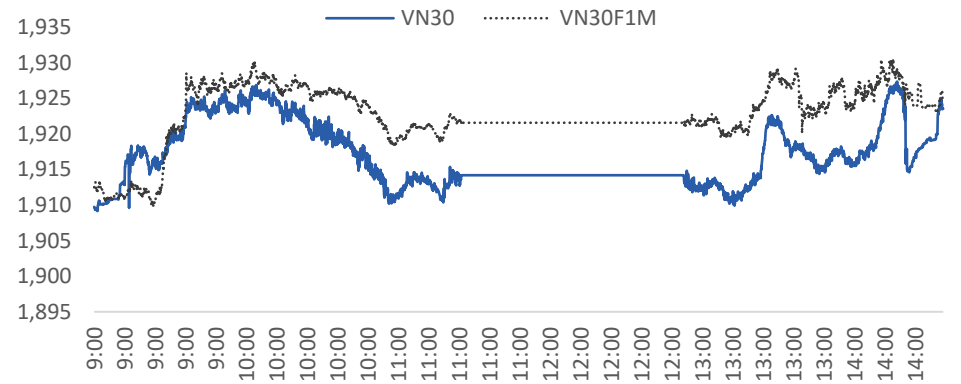
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1924.00	0.93%	350	17.8%	15/01/2026	50
41I1G6000	1922.00	1.00%	43	38.7%	18/06/2026	204
VN30F2512	1924.90	0.88%	252,411	18.0%	18/12/2025	22
41I1G3000	1921.10	0.90%	49	-14.04%	19/03/2026	113

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +13.95 điểm, đóng cửa tại 1923.55 điểm. Biên độ dao động 17.45 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VPB, MSN, VIC, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm gần ngưỡng MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2508	25/12/2025	29	100,500	47.47%	25.40	130	62.5%	0.00	25.66	17.40	17.40
CFPT2515	15/12/2025	19	787,400	9.07%	106.95	120	33.3%	0.04	107.98	99.00	99.00
CVPB2529	9/02/2026	75	59,700	32.48%	37.80	620	21.6%	0.10	38.42	29.00	29.00
CTCB2515	25/12/2025	29	200	37.85%	44.81	380	15.2%	0.00	46.66	33.85	33.85
CVPB2520	4/05/2026	159	4,500	8.35%	22.22	2,300	15.0%	1.87	31.42	29.00	29.00
CTPB2504	23/12/2025	27	9,200	-0.30%	12.39	2,600	14.5%	2.65	17.35	17.40	17.40
CVPB2523	24/02/2026	90	364,200	10.28%	28.00	1,990	14.4%	1.31	31.98	29.00	29.00
CFPT2505	9/01/2026	44	13,700	38.34%	136.27	80	14.3%	0.00	136.96	99.00	99.00
CVIC2513	25/05/2026	180	100	12.45%	147.00	12,850	14.2%	10.16	275.50	245.00	245.00
CHPG2506	9/01/2026	44	7,100	4.97%	23.15	1,590	13.6%	1.26	28.45	27.10	27.10
CSTB2528	23/02/2026	89	3,249,800	6.69%	49.00	1,430	13.5%	1.51	53.29	49.95	49.95
CSTB2513	12/01/2026	47	195,700	2.50%	39.00	3,050	13.0%	2.82	51.20	49.95	49.95
CSTB2531	9/03/2026	103	185,100	25.19%	60.10	810	12.5%	0.42	62.53	49.95	49.95
CLPB2501	15/12/2025	19	102,600	0.94%	36.33	2,950	11.3%	2.87	50.07	49.60	49.60
CMBB2513	15/12/2025	19	116,500	0.39%	19.50	2,560	11.3%	2.53	23.34	23.25	23.25
CVNM2510	12/01/2026	47	2,500	2.50%	56.32	1,090	11.2%	0.95	64.37	62.80	62.80
CTPB2502	12/01/2026	47	654,000	5.65%	13.05	2,860	10.9%	2.38	18.38	17.40	17.40
CVPB2526	25/06/2026	211	18,800	22.07%	32.60	1,400	10.2%	0.96	35.40	29.00	29.00
CVIB2504	20/05/2026	175	730,200	11.29%	16.69	2,190	10.1%	1.63	20.53	18.45	18.45
CMBB2509	12/01/2026	47	211,900	1.29%	18.38	3,450	9.9%	3.33	23.55	23.25	23.25

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CTPB2508 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 62.50%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.71%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CTPB2510, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	80.20	2.17%	2.88
VPB	29.00	2.84%	2.57
MSN	78.60	2.08%	2.12
VIC	245.00	0.82%	1.82
HPG	27.10	0.74%	1.26

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	207.80	-5.16%	-4.26
FPT	99.00	-0.70%	-1.48
VHM	102.10	-0.49%	-0.41
VCB	58.10	-0.17%	-0.06
STB	49.95	-0.10%	-0.06

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	87.20	6.99%	2.43	1.79
VIC	245.00	0.82%	1.73	3.88
VPB	29.00	2.84%	1.45	7.93
GEE	194.40	6.99%	1.10	0.37
CTG	48.90	1.56%	0.91	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	21.70	5.34%	0.60	0.90
MBS	29.40	3.52%	0.35	0.59
CEO	25.70	4.05%	0.34	0.57
KSF	74.90	0.67%	0.26	0.90
HUT	16.80	2.44%	0.25	1.07

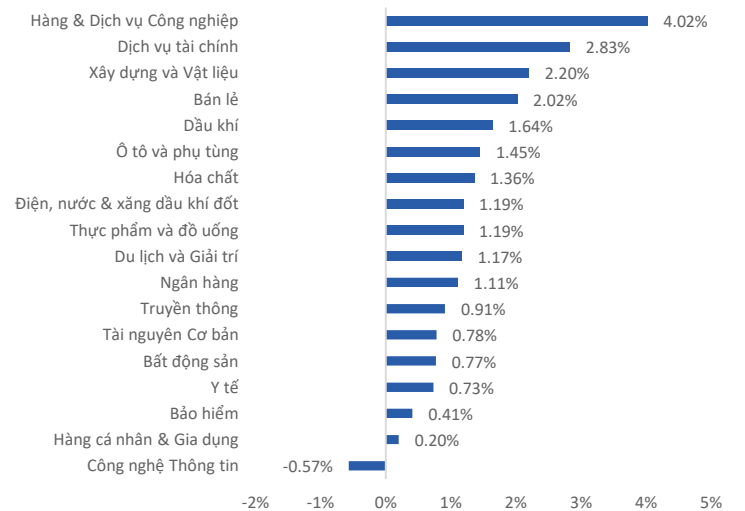
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	87.20	6.99%	2.43	0.56
GEE	194.40	6.99%	1.10	1.14
VIX	24.50	6.99%	0.58	63.32
GEX	48.25	6.98%	0.68	26.25
VNG	7.67	6.97%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	58.30	9.79%	0.20	0.00
SDU	20.70	9.52%	0.14	0.00
PTD	8.10	9.46%	0.01	0.00
VTC	14.10	9.30%	0.02	0.07
SPC	9.20	8.24%	0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	207.80	-5.16%	-1.41	0.59
VHM	102.10	-0.49%	-0.46	4.11
FPT	99.00	-0.70%	-0.26	1.70
VCB	58.10	-0.17%	-0.18	8.36
NAB	14.20	-0.70%	-0.04	1.72

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	12.30	-0.81%	-0.05	0.96
CLM	67.00	-7.33%	-0.03	0.01
HLC	16.70	-9.73%	-0.02	0.03
VIF	15.30	-0.65%	-0.02	0.35
DHT	75.40	-0.40%	-0.02	0.09

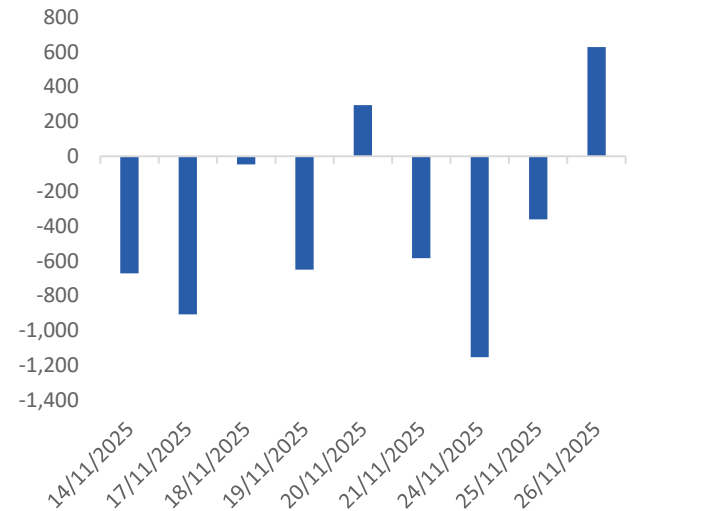
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SFC	19.70	-6.86%	0.00	0.00
PLP	6.40	-6.43%	-0.01	0.75
VAF	18.10	-5.97%	-0.01	0.00
HU1	6.50	-5.66%	0.00	0.00
OGC	4.02	-5.63%	-0.02	0.99

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HLC	16.70	-9.73%	-0.15	0.11
SDG	10.00	-9.09%	-0.03	0.00
LBE	37.00	-7.50%	-0.02	0.00
CLM	67.00	-7.33%	-0.20	0.00
CAN	28.30	-6.91%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.2	2.2%	1.3	116,059	413.9	3,955	19.9	100,800	46.2%	Link
KBC	Bất động sản	36.0	1.0%	1.2	33,526	78.3	1,872	19.0	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.4	2.6%	1.4	38,716	205.2	857	40.2	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.6	3.7%	1.6	21,360	183.3	211	103.3	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	102.1	-0.5%	1.0	421,420	576.4	6,133	16.7	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.0	-0.7%	0.6	169,840	761.5	5,280	18.9	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	15.7	2.0%	0.0	77,112	50.6	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.8	1.8%	1.6	15,868	100.2	3,040	10.9	42,800	12.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	2.5%	1.4	23,921	165.5	1,403	15.8		34.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.0	3.5%	1.3	68,194	1259.7	1,882	17.5		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.4	3.3%	1.3	24,063	363.2	1,589	21.0		15.9%	
DCM	Hóa chất	34.0	1.2%	1.3	17,761	35.4	3,578	9.4	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.8	1.9%	1.4	35,699	147.7	8,296	11.3	109,300	10.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	0.0%	0.9	124,307	218.7	3,385	7.2	28,400	29.3%	Link
BID	Ngân hàng	37.4	1.0%	1.0	259,790	46.2	3,781	9.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.9	1.6%	1.2	258,565	345.7	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	32.3	1.6%	1.2	122,729	468.3	3,661	8.7	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.3	1.8%	1.2	184,057	501.4	3,017	7.6	29,300	20.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	1.2%	1.1	37,596	46.1	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.0	-0.1%	1.0	94,261	607.5	6,519	7.7		14.9%	
TCB	Ngân hàng	33.9	1.2%	1.0	237,035	446.8	3,112	10.8	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	2.7%	1.2	47,020	136.3	2,358	7.2	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	58.1	-0.2%	0.9	486,300	417.9	4,202	13.9	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	0.8%	0.9	62,293	149.9	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.0	2.8%	1.1	223,737	724.3	2,603	10.8	35,650	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.1	0.7%	1.2	206,470	772.3	1,876	14.3	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	0.9%	1.3	10,370	90.9	1,178	14.2	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	2.5%	1.3	10,199	66.5	4,150	6.4	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.6	2.1%	1.2	111,335	384.2	2,196	35.1	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.8	1.5%	0.7	129,368	244.5	4,160	14.9	64,500	49.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.5	-0.69%	1.3	9,676	88.4	2,412	18.1	21.7%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.1	2.18%	0.9	24,183	60.6	3,620	39.2	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.9	0.00%	1.2	38,527	8.5	3,578	14.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.8	3.49%	1.4	15,968	160.7	512	39.2	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.2	4.08%	1.5	18,747	300.4	401	45.9	20.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.7	3.36%	1.4	5,343	53.2	3,057	8.8	2.7%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.5	2.20%	1.6	11,765	57.2	938	33.9	21.1%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	40.9	2.76%	1.4	15,104	54.5	4,849	8.2	11.0%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.2	3.29%	1.3	16,982	47.0	2,162	16.2	45.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	57.7	1.23%	1.1	13,800	15.1	5,474	10.4	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.4	1.29%	1.1	5,580	10.2	1,763	17.6	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.7	2.99%	1.4	18,334	100.4	801	25.1	12.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	245.0	0.82%	0.9	936,283	2890.0	2,287	106.3	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	33.9	1.35%	1.0	75,895	288.1	2,144	15.6	14.2%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.5	0.67%	1.3	7,888	8.6	1,833	20.3	38.3%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	1.04%	1.0	42,565	20.1	2,090	16.0	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.2	1.75%	1.2	14,286	629.4	1,602	16.0	7.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.1	2.64%	1.3	11,157	20.7	1,262	25.5	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.4	3.52%	1.7	18,707	64.3	1,679	16.9	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.0	1.97%	1.0	146,707	32.5	5,014	12.1	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	2.70%	1.3	34,660	142.2	812	18.2	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	0.00%	0.8	35,208	32.8	4,776	13.6	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	207.8	-5.16%	0.9	129,622	481.1	2,897	75.6	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.3	6.98%	1.5	40,698	1247.3	2,313	19.5	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.4	0.79%	1.2	26,827	171.6	3,502	18.0	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.8	2.49%	1.1	10,182	131.6	6,185	9.8	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.1	2.97%	1.2	8,694	99.1	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.4	0.80%	0.0	12,130	39.4	3,139	31.7	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.2	0.23%	1.2	29,680	37.2	6,919	12.6	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.2	0.36%	1.0	3,148	30.4	2,535	11.1	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	1.05%	1.4	2,459	10.8	2,873	6.7	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.5	1.52%	1.1	15,706	43.9	1,212	19.1	3.9%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.5	1.48%	1.3	108,400	32.8	1,569	17.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.2	5.46%	1.3	39,210	223.8	1,635	12.9	3.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.6	1.22%	0.5	146,377	82.2	3,469	14.1	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-0.70%	0.0	24,534	19.1	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	0.41%	0.9	32,356	16.5	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	3.11%	1.3	7,206	60.6	571	28.2	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.0	2.92%	1.4	7,761	39.4	2,829	10.3	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	-0.16%	0.6	9,577	48.3	1,715	18.4	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.5	0.43%	0.6	59,383	23.9	3,373	13.7	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.5	1.74%	1.1	12,906	35.9	6,944	8.3	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	158.0	0.32%	0.5	12,893	4.1	14,639	10.8	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.8	1.04%	1.3	8,814	37.3	6,560	13.3	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.0	2.09%	1.2	9,860	30.0	5,128	16.8	5.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	1.59%	1.4	4,440	18.3	3,037	14.5	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.2	2.54%	1.3	6,865	56.0	1,106	12.5	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	2.30%	1.1	8,925	79.0	1,377	15.8	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.3	2.32%	1.2	15,354	112.2	6,148	3.9	5.0%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.8	5.17%	1.5	19,503	42.8	3,090	14.1	2.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>